

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DSST

Ngày: 10-9-2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Cẩm Thúy;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2019/TLST-DS ngày 16/7/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Quốc D - sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Mỹ H - sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kiều O - sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Quốc D trình bày: Tôi có cho bà H vay tiền nhiều lần cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 25/6/2018 tôi có cho bà H vay số tiền là 20.000.000 đồng và bà H hứa trong 01 tháng trả vốn và lãi, khi vay hai bên thỏa thuận lãi là 4%/tháng, có làm biên nhận nợ nhưng đến hạn bà H không thực hiện mà bà H có đóng được 01 tháng rồi ngưng.

Lần 2: Vào ngày 25/8/2018 bà H vay số tiền là 20.000.000 đồng nữa để mua nhà và bà H hứa 01 tháng trả vốn và lãi, hai bên thỏa thuận lãi là 4%/tháng, có làm biên nhận nợ nhưng đến hạn bà H không trả vốn mà đóng được 01 tháng

rồi ngưng.

Lần 3: Vào ngày 27/9/2018 bà H vay tiếp số tiền là 20.000.000 đồng và bà H hứa 01 tháng trả vốn và lãi, hai bên thỏa thuận lãi là 4%/tháng, có làm biên nhận nợ nhưng đến hạn bà H cũng không trả vốn mà đóng được 01 tháng rồi ngưng.

Lần 4: Vào ngày 06/12/2018 bà H vay tiếp số tiền là 40.000.000 đồng và bà H hứa 01 tháng trả vốn và lãi, khi vay hai bên thỏa thuận lãi là 4%/tháng, có làm biên nhận nợ nhưng đến hạn bà H không thực hiện chỉ đóng được 01 tháng rồi ngưng.

Lần 5: Vào ngày 08/01/2019 bà H vay số tiền là 40.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và vay tiền ngân hàng ra là trả hết các khoản nợ vay trên cho tôi nhưng bà H không thực hiện mà bỏ địa phương đi.

Lý do tôi cho bà H vay nhiều mà bà hứa mỗi lần vay là trong 01 tháng sẽ trả vốn và lãi nhưng đến hạn mà bà H không thực là do trường không có hiệu trưởng nên bà H chưa vay tiền được và tôi tin tưởng mới cho vay tiếp những lần sau rồi kéo dài đến nay. Sau đó, tôi có nhờ công an huyện Gò Quao giải quyết thì bà H có trả cho tôi được 3.000.000 đồng và bà cam kết mỗi tháng trả cho tôi là 1.000.000 đồng, nay bà H xin trả một tháng 500.000 đồng thì tôi không đồng ý.

Đối với tiền lãi của lần 1 đến lần 3 thì bà H đóng lãi đầy đủ còn lần 4 và lần 5 thì bà H không có đóng lãi vì bà H vay hạn trong 01 ngày sẽ thanh toán đủ.

Nguyên vọng: Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Lê Mỹ Hạnh phải trả số tiền là 137.000.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 08/01/2019 đến khi giải quyết xong vụ án và trả 01 lần hết số tiền trên còn bà H xin trả mỗi tháng 500.000 đồng thì tôi không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2019 và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Mỹ H trình bày: Tôi thừa nhận có vay tiền của ông D , bà O số tiền là 140.000.000 đồng và có trả được 3.000.000 đồng còn thiếu lại số tiền 137.000.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu đồng) như ông D , bà O trình bày là đúng sự thật nhưng vay bao nhiêu lần và ngày tháng năm của từng lần vay tôi không nhớ.

Về lãi suất theo ông D , bà O trình bày 4%/tháng là không đúng mà 8%/tháng. Đồng thời, tôi đã đóng lãi cho bà O, ông D đầy đủ số tiền 100.000.000 đồng còn số tiền 40.000.000 đồng thì tôi không có đóng lãi cho bà O, ông D và ngưng không trả vốn và đóng lãi đến nay. Đồng thời, trước đây tôi có làm việc ở Trường mầm non Định An, hiện nay tôi xin nghỉ rồi nên tôi được trợ cấp nghỉ việc số tiền là 11.328.000 đồng tôi chưa lãnh. Đối với sổ bảo hiểm thì tôi định đóng tiếp để lo sau này vì hiện nay tôi không có công việc ổn định.

Nguyên vọng: Tôi thừa nhận còn thiếu nợ ông D , bà O số tiền là 137.000.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu đồng) nên tôi xin trả dần cho ông D , bà O mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ còn phần lãi thì tôi xin ông D , bà O miễn cho tôi vì vốn không có khả năng trả mà trả thêm lãi. Đồng thời, ông D , bà O yêu cầu tôi trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng thì tôi không có khả năng.

Đối với số tiền lãi mà tôi đóng cho ông D , bà O bao nhiêu tiền thì tôi không nhớ và tôi không yêu cầu tính lại vì tôi không có chứng cứ hay giấy tờ để chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:
 Tôi thống nhất với yêu cầu của ông D về số tiền vốn gốc và yêu cầu tính lãi thì tôi không có ý kiến. Nhưng tôi có bổ sung là bà H không có thiện chí trả nợ cho vợ chồng tôi vì khi Công an huyện Gò Quao làm việc thì bà H hứa trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng nay xin trả 500.000 đồng/tháng thì tôi không đồng ý. Về lãi suất tôi yêu cầu tính theo quy định của pháp luật từ ngày 08/01/2019 đến ngày xét xử. Do đó, tôi yêu cầu bà H phải trả cho vợ chồng tôi một lần là hết nợ gốc và lãi. Tôi được biết hiện nay bà H còn số tiền trợ cấp thôi việc tại Trường mầm non Định An là 11.328.000 đồng chưa nhận và còn tiền bảo hiểm thì bà H cũng chưa nhận. Do đó, khi bản án có hiệu lực pháp lực tôi sẽ cung cấp cho cơ quan Thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hà Quốc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Mỹ H phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa ông Hà Quốc D và bà Lê Mỹ H là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H thừa nhận còn thiếu ông D số tiền vốn gốc là 137.000.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu đồng) từ ngày 08/01/2019 đến nay mà không trả được nợ cho ông D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, buộc bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông D số tiền là 137.000.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu đồng) vốn gốc là có cơ sở chấp nhận và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi suất của ông D thì ông yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật từ ngày 08/01/2019 đến khi xét xử còn bà H xác định vay tiền là phải tính lãi suất nhưng nay bà không có khả năng trả vốn nên bà xin ông D miễn không tính lãi nữa. Đồng thời, bà H xác định khi bà vay tiền của ông D có đóng lãi cho ông D nhưng bà không nhớ đóng được bao nhiêu tiền và đóng đến ngày nào thì ngưng. Nên bà không yêu cầu tính lại lãi suất mà bà đã đóng cho ông D . Do đó, có căn cứ xác định tính lãi suất từ ngày 08/01/2019 nên yêu cầu tính lãi suất của ông D là đúng với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận còn bà H yêu cầu ông D không tính lãi suất và yêu cầu này của bà H không được ông D chấp nhận nên HĐXX không có căn cứ xem xét. Đồng thời, các bên đương sự chưa thống nhất mức tính lãi suất.

Do đó, theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng nên lãi suất tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày xét xử là 10/9/2019 là 08 tháng 02 ngày:

$(137.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 08 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 9.172.606 \text{ đồng.}$

Tổng vốn và lãi là: $137.000.000đ + 9.172.606đ = 146.172.606đ$.

Về việc bà H xin trả dần mỗi một năm 500.000 đồng cho đến khi hết nợ cho ông D, yêu cầu này của bà H không được ông D chấp nhận nên buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vốn và lãi là 146.172.606đ (một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với khoảng tiền trợ cấp thôi việc và tiền bảo hiểm của bà H, tại phiên tòa bà H xác định có hai khoảng tiền này nhưng bà chưa nhận, hiện nay Trường mầm non Đ đang quản lý. Do đó, khi bản án có hiệu lực pháp lực thì ông D sẽ có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan Thi án có thẩm quyền để bảo đảm cho việc thi hành án.

[4] Về án phí DSST là: Yêu cầu của ông Hà Quốc D được Tòa án chấp nhận nên ông nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004215 ngày 16/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lê Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $146.172.606 \times 5\% = 7.308.630,3 \text{ đồng}$ làm tròn 7.309.000đ (bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc D đối với bà Lê Mỹ H.

Buộc bà Lê Mỹ H phải trả cho ông Hà Quốc D số tiền là 146.172.606đ (một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 7.309.000đ (bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng) buộc bà Lê Mỹ H phải nộp.

Ông Hà Quốc D được Tòa án chấp nhận nên ông nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004215 ngày 16/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho ông Hà Quốc D , bà Lê Mỹ H và bà Nguyễn Thị Kiều O biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 10/9/2019.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh K;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh